TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **122**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23-5-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

*Các Hội thẩm nhân dân:*Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị D, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Võ Hoàng H, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Võ Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Võ Hoàng H tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 27/02/2001 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và đã ly thân cách nay khoảng 18 năm. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Nhật D1 sinh ngày 07/8/2002 và Võ Quyền A sinh ngày 31/10/2006. Cháu D1 hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết còn cháu A đang sống cùng ông H, sau khi ly hôn bà thống nhất việc ông H tiếp tục nuôi dưỡng cháu A, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Võ Hoàng H không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà Võ Thị D và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại Đơn trình bày nguyện vọng ngày 13/5/2024, cháu Võ Quyền A có nguyện vọng sống chung với ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Võ Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Võ Hoàng H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Võ Thị D và ông Võ Hoàng H tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 27/02/2001 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà D yêu cầu được ly hôn với ông H do mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, trầm trọng đến mức không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục. Đối với ông H, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu của bà D. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà D và ông H đã trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D về việc xin ly hôn với ông H.

[4] Về con chung: Bà D và ông H có 02 con chung tên Võ Nhật D1 sinh ngày 07/8/2002 và Võ Quyền A sinh ngày 31/10/2006. Cháu D1 hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động, đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với cháu A hiện do ông H nuôi dưỡng. Trên cơ sở xem xét điều kiện để phát triển về mọi mặt của con chung, nguyện vọng của con chung từ đủ 07 tuổi trở lên, đồng thời không làm thay đổi cuộc sống đã ổn định của cháu nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu A cho ông H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông H không cung cấp tài liệu, chứng cứ và văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của bà D. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, trường hợp sau này các đương

sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị D xin ly hôn với ông Võ Hoàng H.

- Về con chung: Giao cháu Võ Quyền A sinh ngày 31/10/2006 cho ông H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Bà Võ Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0001098 ngày 22/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà D, ông H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- UBND thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Hồng Ý